

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 53/2022/DS-PT

Ngày: 21/3/2022

V/v tranh chấp “Chia thừa kế, hợp đồng  
chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hữu Tính.

*Các thẩm phán:* Bà Nguyễn Thanh Nhân.

Bà Lê Thị Hồng Tâm.

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Trung Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 264/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp “Chia thừa kế, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 122/2021/DS-ST ngày 31/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 330/2021/QĐ-PT ngày 27/12/2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

1.1. Hà Thị B, sinh năm 1951 (có mặt);

1.2. Hà Thị Đ, sinh năm 1959 (có mặt);

1.3. Hà Thị A, sinh năm 1967 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**2. Bị đơn:** Hà Thị T, sinh năm 1953 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Võ Tấn C, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- 3.1. Võ Tấn C, sinh năm 1980 (có mặt);
- 3.2. Phạm Thị S, sinh năm 1950 (vắng mặt);
- 3.3. Hà Chiến P, sinh năm 1967 (vắng mặt);
- 3.4. Hà Viết T, sinh năm 1969 (vắng mặt);
- 3.5. Hà Khắc V, sinh năm 1971 (vắng mặt);
- 3.6. Hà Cao T, sinh năm 1980 (vắng mặt);
- 3.7. Hà Diễm K, sinh năm 1982 (vắng mặt);
- 3.8. Hà Thị R, sinh năm 1965 (có mặt);
- 3.9. Ngô Hồng T, sinh năm 1980 (xin vắng mặt);  
Cùng địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
- 3.10. Hà Thị Cẩm G, sinh năm 1978 (vắng mặt);  
Địa chỉ: ấp Th, xã Th, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
- 3.11. Nguyễn Văn Th, sinh năm 1971 (có mặt);
- 3.12. Nguyễn Thị L, sinh năm 1965 (vắng mặt);
- 3.13. Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1963 (vắng mặt);
- 3.14. Nguyễn Văn S, sinh năm 1968 (có mặt);  
Cùng địa chỉ: ấp B, xã Lo, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
- 3.15. Nguyễn Minh S, sinh năm 1978 (có mặt);  
Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

*4. Người làm chứng:*

- 4.1. Võ Hồng M, sinh năm 1978 (vắng mặt);
- 4.2. Tô Văn S, sinh năm 1951 (vắng mặt);
- 4.3. Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1955 (vắng mặt);
- 4.4. Trần Hoàng V, sinh năm 1967 (vắng mặt);  
Cùng địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Hà Thị T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo bản án sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Hà Thị B là chị Đỗ Thị Thu Ng trình bày:*

Cụ Nguyễn Thị R(chết năm 2010) và cụ Hà Văn Đ(chết năm 1992), lúc sinh thời cụ R và cụ Đ có 06 người con gồm: Hà Văn D (chết năm 2019) ông D có vợ là Phạm Thị S và các con tên Hà Chiến P, Hà Viết T, Hà Khắc V, Hà Thị Cẩm G, Hà Cao T, Hà Thị Diễm K; Hà Thị B, Hà Thị T, Hà Thị Đ, Hà Thị R, Hà Thị A. Khi cụ R chết năm 2010, cụ R đứng tên các thửa đất thửa 281, tờ bản đồ số 1, diện tích 740m<sup>2</sup>, loại đất thổ quả tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện G; thửa 484, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.858m<sup>2</sup>, loại đất lúa tọa lạc ấp B, xã Lo, huyện G; thửa đất số 461, tờ bản

đồ số 01, diện tích 2.040m<sup>2</sup> đất lúa, tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Lúc còn sống cụ R đã chuyển nhượng 01 phần thửa 484 cho bà Lo diện tích 500m<sup>2</sup>, cho ông S là 1.000m<sup>2</sup>, cho ông T diện tích 1.000m<sup>2</sup>, còn lại 358m<sup>2</sup> và sau này có bồi thường kênh 14 hiện còn lại 232,9m<sup>2</sup>. Đồng thời, cụ R có bán 01 phần thửa 281 cho anh S diện tích ngang 9,6m, dài 24 m và bán cho anh C diện tích ngang 06m, chiều dài 10m, khi bán đất chỉ làm giấy tay và đã nhận tiền, giao đất xong. Sau khi trừ diện tích đất bán cho bà Lo, ông S, ông T, anh S, anh C thì di sản cụ R để lại gồm có diện tích 232,9m<sup>2</sup> thuộc thửa 484, diện tích 399m<sup>2</sup> thuộc thửa 281 và diện tích 2.040m<sup>2</sup> đất lúa thuộc thửa 461, cùng căn nhà thờ 03 căn có kết cấu nền đất, vách tường đã tô, mái lợp ngói.

Hiện nay di sản của cụ R để lại do bà B quản lý sử dụng phần đất nhà thờ, cùng diện tích đất 232,9m<sup>2</sup> thửa 484 (bà B đang cho ông T thuê để trồng cỏ), còn diện tích đất lúa thì bà A quản lý. Trong quá trình quản lý nhà thờ thì bà B đã sửa chữa lại nhà thờ như lát gạch, dán gạch cột, sơn tường.

*Nay bà B khởi kiện yêu cầu chia di sản của cụ R để lại theo quy định pháp luật:*

Yêu cầu chia làm 06 phần diện tích còn lại của thửa 281, bà B yêu cầu được chia diện tích có căn nhà thờ để bà B ở, không đồng ý chia căn nhà bà B đang quản lý.

Yêu cầu chia làm 06 phần diện tích đất lúa thuộc thửa 461, đối với diện tích đất lúa thì bà B đồng ý để lại kỷ phần của bà B cho bà A hưởng.

Đối với diện tích đất còn lại thuộc thửa 484 thì bà B không yêu cầu chia, bà B yêu cầu để làm sở hữu chung của tất cả hàng thừa kế.

Bà B yêu cầu hủy văn bản sang nhượng đất giữa bà R và anh Võ Tấn C đối với diện tích 144m<sup>2</sup> đất.

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Hà Thị Đ là chị Đỗ Thị Thu Ng trình bày:*

Bà Đ thống nhất với lời trình bày của bà B đối với hàng thừa kế thứ nhất của cụ R và thống nhất di sản thừa kế của cụ R để lại sau khi đã trừ diện tích đã bán cho bà Lo, ông S, ông T, anh S, anh C.

Nay Bà Đ yêu cầu được chia diện tích đất còn lại của thửa 281 sau khi trừ diện tích đất bán cho anh S và diện tích 60m<sup>2</sup> đất bán cho anh C, yêu cầu chia làm 06 phần và Bà Đ yêu cầu được nhận phần đất diện tích 71m<sup>2</sup> có căn nhà của bà, bà đồng ý hoàn lại giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế nếu có.

Bà Hà Thị Đ yêu cầu chia diện tích đất lúa thuộc thửa 461 và Bà Đ đồng ý để lại kỷ phần của bà cho bà A hưởng.

Bà Đ yêu cầu hủy văn bản sang nhượng đất giữa bà R và anh Võ Tấn C đối với diện tích 144m<sup>2</sup> đất.

Bà Đ không yêu cầu chia căn nhà bà B đang quản lý và diện tích 232,9m<sup>2</sup> đất còn lại thuộc thửa 484 thì Bà Đ yêu cầu để làm sở hữu chung của tất cả hàng thừa kế.

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Hà Thị A trình bày:*

Bà Hà Thị A yêu cầu được sở hữu toàn bộ diện tích đất 2.040m<sup>2</sup> đất ruộng, địa chỉ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang mà cụ R đang đứng tên quyền sử dụng đất với lý do bà A là người chuộc lại diện tích 1.000m<sup>2</sup> đất ruộng mà bà R đã bán cho ông Tô Văn S, diện tích 1.000m<sup>2</sup> đất còn lại bà Hà Thị Đ bán cho bà A do Bà Đ được cụ R cho năm 1990.

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của bị đơn Hà Thị T là anh Võ Tấn C trình bày:*

Bà T thống nhất với lời trình bày của các nguyên đơn về nhân thân và nguồn gốc đất của cụ R. Đối với di sản của cụ R để lại gồm đất tại các thửa 281, 461, 484 thì Bà T yêu cầu chia đều theo pháp luật và Bà T yêu cầu nhận bằng đất, còn nhà thờ trên thửa 281 thì Bà T yêu cầu nhận bằng giá trị.

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Hà Thị R trình bày:*

Bà Hà Thị R yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thành 06 phần đối với diện tích đất 317m<sup>2</sup> còn lại của thửa 281, tờ bản đồ số 01, địa chỉ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang sau khi trừ diện tích đã chuyển nhượng cho anh Võ Văn Cư và anh Nguyễn Minh S, bà R yêu cầu nhận bằng hiện vật.

Bà Hà Thị R yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thành 06 phần đối với diện tích đất 232,9m<sup>2</sup> còn lại của thửa 484, địa chỉ ấp B, xã Lo, huyện G, tỉnh Tiền Giang, bà R yêu cầu nhận bằng hiện vật.

Đối với kỹ phần bà R được chia trong diện tích 2.040m<sup>2</sup> đất lúa, thửa 461, tờ bản đồ số 01, địa chỉ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang bà để lại cho bà Hà Thị A hưởng.

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Võ Tấn C trình bày:*

Vào năm 2005 anh có mua của cụ R diện tích 144m<sup>2</sup>, ngang 6m, dài 24m đất thổ, quả để cất nhà ở, đất thuộc thửa 281, tờ bản đồ số 1, địa chỉ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Nay anh yêu cầu hàng thừa kế của cụ R làm thủ tục để anh được đứng tên diện tích đất anh đã mua.

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Nguyễn Minh S trình bày:*

Anh yêu cầu hàng thừa kế của cụ R thực hiện thủ tục để anh được đứng tên phần đất anh mua của cụ R có diện tích ngang 9m, chiều dài khoảng 26m, đất thuộc thửa số 281, tờ bản đồ số 1, địa chỉ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Văn Th trình bày:*

Ông yêu cầu hàng thừa kế của cụ R thực hiện thủ tục để ông được đứng tên phần đất diện tích 1.000m<sup>2</sup> đất lúa thuộc một phần thửa 484, tờ bản đồ số 02, địa chỉ ấp B, xã Lo, huyện G, tỉnh Tiền Giang mà cụ R đã chuyển nhượng cho ông từ năm 2006 nhưng cho đến nay ông vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Văn S trình bày:*

Ông yêu cầu hàng thừa kế của cụ R thực hiện thủ tục để anh được đứng tên phần đất diện tích 1.000m<sup>2</sup> đất lúa thuộc một phần thửa 484, tờ bản đồ số 02, địa chỉ ấp B, xã Lo, huyện G, tỉnh Tiền Giang mà cụ R đã chuyển nhượng cho ông từ năm 2006 nhưng cho đến nay ông vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà yêu cầu hàng thừa kế của cụ R thực hiện thủ tục để bà được đứng tên diện tích đất 500m<sup>2</sup> đất lúa thuộc 01 phần thửa 484, tờ bản đồ số 02, địa chỉ ấp B, xã Lo, huyện G, tỉnh Tiền Giang mà cụ R đã chuyển nhượng cho bà từ năm 2010 nhưng cho đến nay bà vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị S trình bày:*

Bà là vợ ông Hà Văn D (mất năm 2019), mẹ chồng bà là cụ Nguyễn Thị R (mất năm 2010), trước khi mất cụ R có các phần đất: diện tích 740m<sup>2</sup>, thửa 281; diện tích 2.040m<sup>2</sup>, thửa 461, địa chỉ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang; diện tích 2.858m<sup>2</sup>, thửa 484, địa chỉ ấp B, xã Lo, huyện G, tỉnh Tiền Giang, thửa đất này đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Minh S diện tích cụ thể bà không rõ.

Trên thửa đất 281 có xây cất 01 căn nhà bán kiên cố, kết cấu vách tường, mái ngói, nền gạch, diện tích khoảng 80m<sup>2</sup> (ngang 8m, dài 10m), do cụ R xây cất nhưng căn nhà đã xuống cấp trầm trọng nên bà B đã nhiều lần sửa chữa lại và hiện đang sinh sống trong căn nhà này.

Bà thống nhất với ý kiến của bà B, Bà Đ, bà A, đối với kỷ phần bà được hưởng bà đồng ý tặng cho bà Hà Thị A và đồng ý để bà Hà Thị B quản lý sử dụng căn nhà thờ trên.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hà Chiến P, Hà Viết T, Hà Khắc V, Hà Cao T, Hà Thị Cẩm G, Hà Diễm K trình bày:*

Các anh chị là con của ông Hà Văn D (mất năm 2019), là cháu nội cụ Nguyễn Thị R (mất năm 2010), các anh chị thống nhất với lời trình bày của bà Phạm Thị S.

Các anh chị thống nhất với ý kiến của bà B, Bà Đ, bà A, đối với kỷ phần các anh chị được hưởng các anh chị đồng ý tặng cho bà Hà Thị A và đồng ý để bà Hà Thị B quản lý sử dụng căn nhà thờ trên.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Hồng T trình bày:*

Anh đang canh tác thửa đất diện tích 2.040m<sup>2</sup>, thửa 461, tờ bản đồ số 01, địa chỉ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 456 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 28/12/1998 cho bà Nguyễn Thị R. Anh thuê đất của bà Hà Thị A, theo anh biết phần đất này trước đến nay của bà A do bà A bỏ tiền ra chuộc 1.000m<sup>2</sup> đất từ ông Tô Văn S và mua 1.000m<sup>2</sup> của mẹ anh được cụ R cho đất. Anh thuê đất của bà A đã gần 20 năm vì chỗ di cháu nên không có làm hợp đồng, giá thuê là 10.000.000 đồng/05 năm, anh đã trả 8.000.000 đồng tương đương 04 năm cho bà A, đến hết tháng 12/2022 mới hết hạn thuê đất. Phần đất này anh đang trồng chanh được hơn 02 năm tuổi, đang cho trái và thu hoạch tốt. Từ trước đến nay trong gia đình không ai có ý kiến gì về việc anh thuê ruộng của bà A vì đó là ruộng của bà A.

Nếu Tòa án chia đất nêu trên cho bà A thì anh không có yêu cầu gì. Nếu Tòa án chia thừa kế phần đất trên cho người khác trong hàng thừa kế của cụ R thì anh yêu cầu trả lại tài sản giá trị cây trồng là cây chanh trên đất cho anh.

*Người làm chứng Tô Văn S trình bày:*

Khoảng năm 2002 bà R bị bệnh nặng không có tiền điều trị nên con bà R là bà B có đến năm nỉ ông mua khoảng 1.000m<sup>2</sup> đất lúa, giá khoảng 11.000.000 đồng, ông giao đủ tiền cho bà B rồi nhận đất canh tác. Do sổ hồng của bà R thế chấp ở Ngân hàng nên không có làm thủ tục sang tên, sau đó khoảng 03 năm vào năm 2005, bà B và chồng bà R là anh V (em rể bà B) có đến gặp ông để chuộc lại đất với giá 11.000.000 đồng. Ông đã đồng ý cho chuộc lại và trả lại đất cho bà B.

*Người làm chứng ông Trần Hoàng V trình bày:*

Giấy sang nhượng đất mà Võ Tấn C cung cấp cho Tòa án do chị của Võ Tấn C là Võ Hồng M đem đến nhờ ông xác nhận do khi đó ông làm Công an ấp H và ông cũng là người trong gia đình (là con rể bà R). Ông không có chứng kiến việc giao nhận tiền giữa các bên, người làm giấy ký tên R và ghi họ tên Nguyễn Thị R không phải do bà R ký vì bà R không biết chữ và thời điểm đó bà R đang nằm bệnh viện. Ông được biết Võ Tấn C nhận chuyển nhượng phần đất thổ cư là 144m<sup>2</sup>.

Đối với phần đất 1.000m<sup>2</sup> bà R và bà B bán cho ông Tô Văn S, giá thì ông không nhớ nhưng có thỏa thuận là khi có tiền thì sẽ chuộc lại theo giá thị trường, sau khi bán khoảng 02 - 03 năm thì ông cùng bà Hà Thị B gặp ông S để chuộc lại phần đất 1.000m<sup>2</sup> này lại, giá chuộc ông không nhớ, nguồn tiền để chuộc ông không rõ từ đâu mà có. Thời điểm từ năm 1997 - 2007 ông làm Công an ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

*Người làm chứng Võ Hồng M trình bày:*

Chị là con ruột bà Hà Thị T, chị ruột của Võ Tấn C, cụ Nguyễn Thị R là bà ngoại chị. Giấy sang nhượng đất mà Võ Tấn C cung cấp cho Tòa án là do ông Nguyễn Ngọc C, hàng xóm giáp ranh nhà ngoại chị viết dùm do chị nhờ ông C viết vì ông C rành chữ nghĩa. Giấy sang nhượng này được lập ngay sau khi đo đạc phần đất Cư mua của cụ R cùng một ngày, việc đo đạc do chị và ông Phạm Văn M trực tiếp kéo dây đo với chiều ngang 6m, dài 24m, tổng cộng 144m<sup>2</sup>, đo đất xong chị

giao tiền mua đất cho bà B là 3.000.000 đồng, bà B mới ký tên "R" người làm giấy. Bà B có trực tiếp chứng kiến, cụ R không chứng kiến vì bị bệnh.

Sau khi làm giấy sang nhượng đất được vài ngày thì chị có đem giấy này lên nhà ông Trần Hoàng V là chồng bà Hà Thị R nhờ ông V xác nhận dùm vì lúc này ông V là Công an ấp H, ông V xác nhận xong chị mới đem lên cho ông Phạm Văn M xác nhận, lúc này ông M làm trong Ban kinh tế ấp H.

*Người làm chứng Nguyễn Ngọc C trình bày:*

Giấy sang nhượng đất mà Võ Tấn C nộp cho Tòa án không phải do ông viết, việc gia đình anh C tranh chấp ông không rõ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 322/2021/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang áp dụng khoản 3, khoản 5 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 229, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 188, Điều 195 Luật đất đai; Điều 357, Điều 468, Điều 500, Điều 503, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660, Điều 688 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10 tháng 8 năm 2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Đ đối với yêu cầu công nhận phần đất diện tích 71m<sup>2</sup> có căn nhà trên đất tại thửa 143 thuộc quyền quản lý, sở hữu của Bà Đ.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị R đối với yêu cầu chia thừa kế diện tích 232,9m<sup>2</sup> đất thửa 472 và chia giá trị căn nhà bà B đang quản lý tại thửa 143.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị T đối với yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà bà B đang quản lý trên thửa 143 do bà B đang quản lý và phần đất diện tích 232,9m<sup>2</sup> đất, thửa 472.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th. Buộc hàng thừa kế của cụ Nguyễn Thị R gồm: Hà Thị B, Hà Thị Đ, Hà Thị T, Hà Thị R, Hà Thị A, Phạm Thị S, Hà Chiến P, Hà Viết T, Hà Thị Cẩm G, Hà Khắc V, Hà Cao T, Hà Diễm K phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 395, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.000,5m<sup>2</sup>, địa chỉ ấp B, xã Lo, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Có sơ đồ kèm theo).

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S. Buộc hàng thừa kế của cụ Nguyễn Thị R gồm: Hà Thị B, Hà Thị Đ, Hà Thị T, Hà Thị R, Hà Thị A, Phạm Thị S, Hà Chiến P, Hà Viết T, Hà Thị Cẩm G, Hà Khắc V, Hà Cao T, Hà Diễm K phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 373, tờ bản đồ số 5, diện tích 971,5m<sup>2</sup>, địa chỉ ấp B, xã Lo, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Có sơ đồ kèm theo).

6. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Buộc hàng thừa kế của cụ Nguyễn Thị R gồm: Hà Thị B, Hà Thị Đ, Hà Thị T, Hà Thị R, Hà Thị A, Phạm Thị S, Hà Chiến P, Hà Viết T, Hà Thị Cẩm G, Hà Khắc V, Hà Cao T, Hà Diễm K phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 359, tờ bản đồ số 5, diện tích 524,1m<sup>2</sup>, địa chỉ ấp B, xã Lo, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Có sơ đồ kèm theo).

7. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh S. Buộc hàng thừa kế của cụ Nguyễn Thị R gồm: Hà Thị B, Hà Thị Đ, Hà Thị T, Hà Thị R, Hà Thị A, Phạm Thị S, Hà Chiến P, Hà Viết T, Hà Thị Cẩm G, Hà Khắc V, Hà Cao T, Hà Diễm K phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 139, tờ bản đồ số 1, diện tích 244,7m<sup>2</sup>, địa chỉ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Có sơ đồ kèm theo).

8. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Tấn C. Buộc hàng thừa kế của cụ Nguyễn Thị R gồm: Hà Thị B, Hà Thị Đ, Hà Thị T, Hà Thị R, Hà Thị A, Phạm Thị S, Hà Chiến P, Hà Viết T, Hà Thị Cẩm G, Hà Khắc V, Hà Cao T, Hà Diễm K phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 144, tờ bản đồ số 1, diện tích 142,3m<sup>2</sup>, địa chỉ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Có sơ đồ kèm theo).

9. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị A. Công nhận phần đất thừa số 102, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.022,4m<sup>2</sup> đất trồng lúa nước, địa chỉ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Hà Thị A (Có sơ đồ kèm theo).

10. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Hà Thị T. Chia cho bà Hà Thị T diện tích 53,7m<sup>2</sup> đất tại thửa số 143, tờ bản đồ số 1, địa chỉ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hà Thị T tặng cho anh Võ Tấn C diện tích 53,7m<sup>2</sup> đất tại thửa số 143, tờ bản đồ số 1, địa chỉ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Có sơ đồ kèm theo).

11. Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Hà Thị T đối với thửa số 102, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.022,4m<sup>2</sup> đất trồng lúa nước, địa chỉ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

12. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Hà Thị R. Buộc bà Hà Thị B có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Hà Thị R số tiền 52.850.000 đồng tương đương 01 kỳ phần thừa kế 52,58m<sup>2</sup> đất, tại thửa số 143, tờ bản đồ số 1, địa chỉ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày bà Hà Thị R có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Hà Thị B không trả số tiền trên thì hàng tháng bà B phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

13. Ghi nhận sự thỏa thuận của hàng thừa kế cụ Nguyễn Thị R gồm: Hà Thị B, Hà Thị Đ, Hà Thị T, Hà Thị R, Hà Thị A, Phạm Thị S, Hà Chiến P, Hà Viết T, Hà Thị Cẩm G, Hà Khắc V, Hà Cao T, Hà Diễm K thống nhất để thừa đất số 472, tờ bản đồ số 5, diện tích 232,9m<sup>2</sup>, địa chỉ ấp B, xã Lo, huyện G, tỉnh Tiền Giang cùng sử dụng chung cho hàng thừa kế (Có sơ đồ kèm theo).



14. Giao cho bà Hà Thị B được quản lý, sử dụng diện tích 263,4m<sup>2</sup>, thửa số 143, tờ bản đồ số 1, đất ở và đất trồng cây lâu năm, địa chỉ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang (*Có sơ đồ kèm theo*). Giao cho bà B được tiếp tục quản lý ngôi nhà thờ trên phần đất diện tích 263,4m<sup>2</sup>, thửa số 143, tờ bản đồ số 1, đất ở và đất trồng cây lâu năm, địa chỉ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

15. Bà Hà Thị Đ được tiếp tục quản lý ngôi nhà do bà Hà Thị Đ xây dựng trên phần đất diện tích 263,4m<sup>2</sup>, thửa số 143, tờ bản đồ số 1, đất ở và đất trồng cây lâu năm, địa chỉ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

16. Ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Minh S, anh Võ Tấn C, bà Hà Thị B, bà Hà Thị A, bà Hà Thị Đ, bà Hà Thị R, bà Hà Thị T, bà Phạm Thị S, anh Hà Chiến P, anh Hà Viết T, chị Hà Thị Cẩm G, anh Hà Khắc V, anh Hà Cao T, chị Hà Diễm K được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký kê khai đối với quyền sử dụng đất được nhận. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

#### *Về án phí:*

Buộc bà Hà Thị R, bà Hà Thị A, anh Hà Chiến P, anh Hà Viết T, chị Hà Thị Cẩm G, anh Hà Khắc V, anh Hà Cao T, chị Hà Diễm K phải liên đới chịu 1.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Hà Thị R, anh Hà Chiến P, anh Hà Viết T, chị Hà Thị Cẩm G, anh Hà Khắc V, anh Hà Cao T, chị Hà Diễm K phải liên đới chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Hà Thị R phải chịu 2.642.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 625.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017027 ngày 07/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, do vậy bà R còn phải nộp tiếp 2.017.500 đồng.

Hoàn lại cho bà Hà Thị A 1.514.800 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 40491 ngày 19/8/2019 và 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016406 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn Th 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016479 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn S 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016481 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị L 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016480 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Hoàn lại cho anh Nguyễn Minh S 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016390 ngày 06/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Hoàn lại cho anh Võ Tấn C 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016461 ngày 08/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 01 tháng 6 năm 2021, bị đơn Hà Thị T có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, chia cho bà một kỷ phần tương đương 1/6 di sản của cụ Rể lại.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Đại diện ủy quyền của bị đơn bà Hà Thị T là anh Võ Tấn C không có cung cấp bổ sung tài liệu chứng cứ, vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo khẳng định Bà T kháng cáo hai nội dung: Một là yêu cầu chia cho Bà T kỷ phần là 1/6 thửa 102, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.022,4 m<sup>2</sup>, loại đất trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang; Hai là yêu cầu chia cho Bà T kỷ phần là 1/6 thửa 472, tờ bản đồ số 5, diện tích 232,9 m<sup>2</sup>, loại đất trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp B, xã Lo, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Nay anh rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với “Yêu cầu chia cho Bà T kỷ phần là 1/6 thửa 472, tờ bản đồ số 5, diện tích 232,9 m<sup>2</sup>, loại đất trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp B, xã Lo, huyện G, tỉnh Tiền Giang”.

Nguyên đơn bà Hà Thị B, bà Hà Thị Đ và bà Hà Thị A đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị R, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn S đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện ủy quyền của bị đơn bà Hà Thị T rút một phần yêu cầu kháng cáo, ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn. Đối với yêu cầu kháng cáo tại diện tích đất 2.022,4m<sup>2</sup> thửa 461, bị đơn không cung cấp chứng cứ gì mới đối với yêu cầu kháng cáo của mình. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 289 và khoản 1 khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:*

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị B, Hà Thị A, bà Hà Thị Đ; yêu cầu khởi kiện phản tố của bà Hà Thị T; yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Minh S, bà Nguyễn Thị L và anh Võ Tấn C thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “*Thừa kế và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” được quy định tại Điều 500, Điều 503, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660, Điều 688 Bộ luật dân sự.

[2] Xét thời hạn kháng cáo: Căn cứ vào đơn kháng cáo ngày 01/06/2021 và biên lai nộp tạm ứng án phí phúc thẩm cùng ngày của bị đơn Hà Thị T thì bị đơn

Hà Thị T kháng cáo trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Phan Thị S, anh Hà Chiến P, anh Hà Viết T, anh Hà Khắc V, anh Hà Cao T, chị Hà Diễm K, bà Hà Thị R, chị Hà Thị Cẩm G, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Ch theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng anh Ngô Hồng T có đơn xét xử vắng mặt và các đương sự còn lại vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 294, 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Hà Thị T về việc sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia cho bà kỷ phần là 1/6 thửa 102, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.022,4m<sup>2</sup>, loại đất trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Căn cứ vào lời trình bày và lời thừa nhận của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm thì: Cụ R mất năm 2010, không có để lại di chúc, di sản thừa kế là phần đất đang tranh chấp có diện tích 5.638m<sup>2</sup>, gồm các thửa số 281 có diện tích 740m<sup>2</sup> đất thổ quạ; thửa số 461 có diện tích 2.040 m<sup>2</sup> đất lúa; thửa 484 có diện tích 2.858m<sup>2</sup> đất lúa, địa chỉ ấp H và ấp B, xã Lo, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 456/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 28/12/1998 cho Nguyễn Thị R. Các đương sự đều thống nhất nhân thân bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1925 (mất năm 2010) có chồng Hà Văn Đ, sinh năm 1920 (đã mất trước cụ R); cha mẹ là ông Nguyễn Văn H và bà Trương Thị C đã mất trước năm 1975; các con gồm Hà Văn D, sinh năm (mất năm 2019), Hà Thị B, sinh năm 1951, Hà Thị T, sinh năm 1953, Hà Thị Đ, sinh năm 1959, Hà Thị A, sinh năm 1967, Hà Thị R, sinh năm 1965. Ông Hà Văn D có vợ Phạm Thị S và các con là Hà Chiến P, Hà Viết T, Hà Khắc V, Hà Thị Cẩm G, Hà Cao T, Hà Diễm K. Hội đồng xét xử xác định hàng thừa kế của cụ R gồm: Hà Thị B, Hà Thị Đ, Hà Thị T, Hà Thị R, Hà Thị A và hàng thừa kế thứ nhất của ông Hà Văn D là Phạm Thị S, Hà Viết T, Hà Khắc V, Hà Thị Cẩm G, Hà Cao T, Hà Diễm K.

[4.2] Bà B, Bà Đ, bà A, Bà T, bà R và hàng thừa kế thứ nhất của ông Hà Văn D gồm Phạm Thị S, Hà Viết T, Hà Khắc V, Hà Thị Cẩm G, Hà Cao T, Hà Diễm K đều thống nhất khi bà R còn sống đã có chuyển nhượng đất cho Nguyễn Minh S, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị L và Võ Tấn C mà chưa thực hiện được thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc xác định di sản của cụ R để lại để chia thừa kế theo yêu cầu của các đương sự sau khi đã trừ ra diện tích đất đã chuyển nhượng cho Nguyễn Minh S, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị L và Võ Tấn C là có căn cứ. Xét việc bị đơn bà Hà Thị T kháng cáo không liên quan đến các phần đất cụ R đã chuyển nhượng nên Hội đồng xét xử không xem xét đến các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ R và ông Nguyễn Minh S, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị L và anh Võ Tấn C.

[4.3] Xét thấy tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị đơn là anh Võ Tấn C rút một phần kháng cáo đối với “yêu cầu chia cho Bà T kỷ phần là 1/6 thửa 472, tờ bản đồ số 5, diện tích 232,9 m<sup>2</sup>, loại đất trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp B, xã Lo, huyện G, tỉnh Tiền Giang”. Xét việc rút một phần kháng cáo của đại diện bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật được các nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện Viện kiểm sát thống nhất nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng Dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo nêu trên.

[4.4] Xét kháng cáo của Bà T yêu cầu chia kỷ phần là 1/6 thửa 102, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.022,4 m<sup>2</sup>, loại đất trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Hội đồng xét xử nhận thấy thửa đất số 461, diện tích 2.040m<sup>2</sup>, đất lúa qua đo đạc thực tế có diện tích 2.022.4m<sup>2</sup>, có thửa mới là 102 do bà Hà Thị A đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc của cụ Nguyễn Thị R được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998. Bà Đ trình bày trước đây cụ R có cho bà đất tại khu vực thửa 461, bà đã bán cho bà R 01 phần, bán cho Ánh 01 công đất tại thửa 461 và do bà A không có sinh sống tại địa phương nên cụ R đã đi đăng ký kê khai và đứng tên luôn phần đất cụ R cho bà, bà đã bán cho bà A. Tại phiên tòa sơ thẩm, Bà T cũng thừa nhận trước đây cụ R có cho Bà Đ phần đất tại khu vực thửa 461 hiện nay, Bà T không rõ diện tích cụ thể nhưng Bà T thống nhất việc Bà Đ đã bán đi phần đất này. Lời thừa nhận của Bà T phù hợp với lời trình bày của bà R là có mua của Bà Đ 01 phần đất khoảng 17 sào hiện tại giáp thửa 461, còn lại Bà Đ có bán cho bà A không thì bà không biết. Do đó, xác định việc bà A nhận chuyển nhượng đất của Bà Đ là có thật.

Đối với 1.000m<sup>2</sup> bà A khai đã chuộc lại của ông Tô Văn S năm 2005 là phù hợp với lời khai của ông Tô Văn S về việc cho chuộc lại đất ông đã nhận chuyển nhượng của cụ R thông qua bà B năm 2002, phù hợp với lời khai của ông Trần Hoàng V có đến nhà ông Tô Văn S để chuộc lại đất cùng bà B, bà B thống nhất nguồn tiền để chuộc đất từ ông Tô Văn S là của bà A đưa cho bà B. Tại phiên tòa sơ thẩm, Bà T và bà R cũng thống nhất việc bà R có bán đất cho ông Tô Văn S và bà B có chuộc lại nhưng nguồn tiền từ đâu Bà T, bà R không biết. Do đó, xác định bà A đã có chuộc lại đất của ông Tô Văn S và sử dụng, quản lý cho đến nay.

Như vậy, bà A đã chứng minh được thửa đất 102, tờ bản đồ số 1, loại đất trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện G không phải là di sản của cụ R để lại nên yêu cầu chia thừa kế của Bà T tại thửa 102 nêu trên là không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của bị đơn bà Hà Thị T là anh Võ Tấn C không đưa ra được căn cứ nào khác ngoài những chứng cứ đã thu thập tại Tòa án cấp sơ thẩm để chứng minh thửa đất thửa đất số 461, diện tích 2.040m<sup>2</sup>, loại đất lúa qua đo đạc thực tế có diện tích 2.022.4m<sup>2</sup>, có thửa mới là 102, tờ bản đồ số 1 là di sản thừa kế của cụ R để lại nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Hà Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Xét thấy bà Hà Thị T là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí do đó Bà T không phải chịu án phí phúc thẩm theo

quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Áp dụng Điều 188, Điều 195 Luật Đất đai.
- Áp dụng Điều 357, Điều 468, Điều 500, Điều 503, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660, Điều 688 Bộ luật Dân sự.
- Căn cứ Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10 tháng 8 năm 2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
- Căn cứ vào khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.
- Căn cứ Luật thi hành án Dân Sự.

Xử: 1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị T; Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị T đối với “Yêu cầu chia cho Bà T kỷ phần là 1/6 thửa 472, tờ bản đồ số 5, diện tích 232,9 m<sup>2</sup>, loại đất trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp B, xã Lo, huyện G, tỉnh Tiền Giang; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 122/2021/DS-ST ngày 31/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

1.1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Đ đối với yêu cầu công nhận phần đất diện tích 71m<sup>2</sup> có căn nhà trên đất tại thửa 143 thuộc quyền quản lý, sở hữu của Bà Đ.

1.2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị R đối với yêu cầu chia thừa kế diện tích 232,9m<sup>2</sup> đất thửa 472 và chia giá trị căn nhà bà B đang quản lý tại thửa 143.

1.3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị T đối với yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà bà B đang quản lý trên thửa 143 và phần đất diện tích 232,9m<sup>2</sup> đất, thửa 472.

1.4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th. Buộc hàng thừa kế của cụ Nguyễn Thị R gồm: Hà Thị B, Hà Thị Đ, Hà Thị T, Hà Thị R, Hà Thị A, Phạm Thị S, Hà Chiến P, Hà Viết T, Hà Thị Cẩm G, Hà Khắc V, Hà Cao T, Hà Diễm K phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 395, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.000,5m<sup>2</sup>, địa chỉ ấp B, xã Lo, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Có sơ đồ kèm theo).

1.5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S. Buộc hàng thừa kế của cụ Nguyễn Thị R gồm: Hà Thị B, Hà Thị Đ, Hà Thị T, Hà Thị R, Hà Thị A,

Phạm Thị S, Hà Chiến P, Hà Viết T, Hà Thị Cẩm G, Hà Khắc V, Hà Cao T, Hà Diễm K phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 373, tờ bản đồ số 5, diện tích 971,5m<sup>2</sup>, địa chỉ ấp B, xã Lo, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Có sơ đồ kèm theo).

1.6. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Buộc hàng thừa kế của cụ Nguyễn Thị R gồm: Hà Thị B, Hà Thị Đ, Hà Thị T, Hà Thị R, Hà Thị A, Phạm Thị S, Hà Chiến P, Hà Viết T, Hà Thị Cẩm G, Hà Khắc V, Hà Cao T, Hà Diễm K phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 359, tờ bản đồ số 5, diện tích 524,1m<sup>2</sup>, địa chỉ ấp B, xã Lo, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Có sơ đồ kèm theo).

1.7. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh S. Buộc hàng thừa kế của cụ Nguyễn Thị R gồm: Hà Thị B, Hà Thị Đ, Hà Thị T, Hà Thị R, Hà Thị A, Phạm Thị S, Hà Chiến P, Hà Viết T, Hà Thị Cẩm G, Hà Khắc V, Hà Cao T, Hà Diễm K phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 139, tờ bản đồ số 1, diện tích 244,7m<sup>2</sup>, địa chỉ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Có sơ đồ kèm theo).

1.8. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Tấn C. Buộc hàng thừa kế của cụ Nguyễn Thị R gồm: Hà Thị B, Hà Thị Đ, Hà Thị T, Hà Thị R, Hà Thị A, Phạm Thị S, Hà Chiến P, Hà Viết T, Hà Thị Cẩm G, Hà Khắc V, Hà Cao T, Hà Diễm K phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 144, tờ bản đồ số 1, diện tích 142,3m<sup>2</sup>, địa chỉ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Có sơ đồ kèm theo).

1.9. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị A. Công nhận phần đất thừa số 102, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.022,4m<sup>2</sup> loại đất trồng lúa nước, địa chỉ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Hà Thị A (Có sơ đồ kèm theo).

1.10. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Hà Thị T. Chia cho bà Hà Thị T diện tích 53,7m<sup>2</sup> đất tại thửa số 143, tờ bản đồ số 1, địa chỉ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hà Thị T tặng cho anh Võ Tấn C diện tích 53,7m<sup>2</sup> đất tại thửa số 143, tờ bản đồ số 1, địa chỉ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Có sơ đồ kèm theo).

1.11. Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Hà Thị T đối với thửa số 102, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.022,4m<sup>2</sup> đất trồng lúa nước, địa chỉ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

1.12. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Hà Thị R. Buộc bà Hà Thị B có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Hà Thị R số tiền 52.850.000 đồng tương đương 01 kỳ phần thừa kế 52,58m<sup>2</sup> đất, tại thửa số 143, tờ bản đồ số 1, địa chỉ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày bà Hà Thị R có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Hà Thị B không trả số tiền trên thì hàng tháng bà B phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

1.13. Ghi nhận sự thỏa thuận của hàng thừa kế cụ Nguyễn Thị R gồm: Hà Thị B, Hà Thị Đ, Hà Thị T, Hà Thị R, Hà Thị A, Phạm Thị S, Hà Chiến P, Hà Viết T, Hà Thị Cẩm G, Hà Khắc V, Hà Cao T, Hà Diễm K thống nhất để thừa đất số 472, tờ bản đồ số 5, diện tích 232,9m<sup>2</sup>, địa chỉ ấp B, xã Lo, huyện G, tỉnh Tiền Giang cùng sử dụng chung cho hàng thừa kế (*Có sơ đồ kèm theo*).

1.14. Giao cho bà Hà Thị B được quản lý, sử dụng diện tích 263,4m<sup>2</sup>, thửa số 143, tờ bản đồ số 1, đất ở và đất trồng cây lâu năm, địa chỉ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang (*Có sơ đồ kèm theo*).

Giao cho bà B được tiếp tục quản lý ngôi nhà thờ trên phần đất diện tích 263,4m<sup>2</sup>, thửa số 143, tờ bản đồ số 1, đất ở và đất trồng cây lâu năm, địa chỉ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

1.15. Bà Hà Thị Đ được tiếp tục quản lý ngôi nhà do bà Hà Thị Đ xây dựng trên phần đất diện tích 263,4m<sup>2</sup>, thửa số 143, tờ bản đồ số 1, đất ở và đất trồng cây lâu năm, địa chỉ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

1.16. Ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Minh S, anh Võ Tấn C, bà Hà Thị B, bà Hà Thị A, bà Hà Thị Đ, bà Hà Thị R, bà Hà Thị T, bà Phạm Thị S, anh Hà Chiến P, anh Hà Viết T, chị Hà Thị Cẩm G, anh Hà Khắc V, anh Hà Cao T, chị Hà Diễm K được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký kê khai đối với quyền sử dụng đất được nhận. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

## 2. Về án phí:

### 2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Hà Thị R, bà Hà Thị A, anh Hà Chiến P, anh Hà Viết T, chị Hà Thị Cẩm G, anh Hà Khắc V, anh Hà Cao T, chị Hà Diễm K phải liên đới chịu 1.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bà Hà Thị R, anh Hà Chiến P, anh Hà Viết T, chị Hà Thị Cẩm G, anh Hà Khắc V, anh Hà Cao T, chị Hà Diễm K phải liên đới chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bà Hà Thị R phải chịu 2.642.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 625.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017027 ngày 07/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, do vậy bà R còn phải nộp tiếp 2.017.500 đồng.

- Hoàn lại cho bà Hà Thị A 1.514.800 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 40491 ngày 19/8/2019 và 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016406 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

- Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn Th 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016479 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

- Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn S 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016481 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị L 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016480 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

- Hoàn lại cho anh Nguyễn Minh S 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016390 ngày 06/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

- Hoàn lại cho anh Võ Tấn C 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016461 ngày 08/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

## 2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Hà Thị T được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Công bố bản án trên cổng TTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- DSPT-2022-T

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hữu Tính**